

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2025

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhã Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Thanh Tâm**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký viên

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 773/2024/TLST-HNGĐ về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ A, ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ A, ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, với số 597/TLKH-BN ngày 19/03/2019 và vợ chồng có 02 con chung.

Giai đoạn đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc và vui vẻ,

nhưng thời gian sau này hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng vẫn không thể dung hòa được cuộc sống vợ chồng. Chị T cảm thấy mục đích kết hôn không được như ý nguyện, chị T không còn tình cảm với anh T1 nên chị T quyết định ly hôn. Vì các lý do trên, chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/07/2018 và Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 01/01/2021

Hiện nay, con gái Nguyễn Ngọc Kim A đang sống chung với chị T, con trai Nguyễn Minh H thì đang sống chung với anh T1. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được tiếp tục quyền nuôi con gái Nguyễn Ngọc Kim A, chị T đồng ý giao con Nguyễn Minh H để anh Nguyễn Thanh T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, do hiện chị T và anh T1 mỗi người nuôi 01 con nên chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Kim A và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng cho Nguyễn Minh H.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1:

Anh Tú đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Căn cước công dân Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Thanh T1 (bản photo);
- Giấy khai sinh Nguyễn Minh H và Nguyễn Ngọc Kim A (bản sao);
- Trích lục kết hôn Nguyễn Thị Thu T – Nguyễn Thanh T1 (bản sao);
- Đơn yêu cầu không hòa giải, đưa vụ án ra xét xử (bản chính);
- Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang

tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 hiện đang cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T1.

[3]. Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

Xét thấy, chị T và anh T1 kết hôn với nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, với số 597/TLKH-BS ngày 19/03/2019 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Giai đoạn đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc và vui vẻ, nhưng thời gian sau này hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng vẫn không thể dung hòa được cuộc sống vợ chồng. Chị T cảm thấy mục đích kết hôn không được như ý nguyện nên nay chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng cũng đã sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Nguyễn Thanh T1 tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng lại vắng mặt không có lý do cũng như không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T.

- *Về con chung*: Chị T và anh T1 có 02 con chung, tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/7/2018 và Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 01/01/2021.

Hiện nay, cháu Nguyễn Ngọc Kim A đang sống chung với chị T, còn cháu Nguyễn Minh H thì đang sống chung với anh T1. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Kim A, chị T đồng ý giao con Nguyễn Minh H để anh Nguyễn Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay con chung Nguyễn Ngọc Kim A đang sống với chị T, con chung Nguyễn Minh H đang sống với anh T1. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống cũng như nhằm đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về mọi

mặt cả vật chất lẫn tinh thần nên cần giao cháu Nguyễn Minh H để anh T1 nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Ngọc Kim A để chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 07/7/2018. Anh Tú được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 01/01/2021.

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

- *Về tài sản chung:* Chị T trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị T trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001807 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày: 01/01/2021. Anh Nguyễn Thanh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Hiếu sinh ngày: 07/07/2018. Anh Tú không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001807 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã Mỹ Long;
- Lưu (Q).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhã Uyên

